

Bản án số: 94/2024/KDTM-PT

Ngày: 25 -11 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng vốn góp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại số 03/2024/KDTM-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3188/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương Á, sinh năm 2000; thường trú: Tổ 14 phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; tạm trú: NCT Trần Trọng H, tổ E, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ Đ, sinh năm 1995; địa chỉ liên lạc: Số E đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 21/12/2023, có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị D, sinh năm 1988; thường trú: 7/4 ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Số E đường I, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số C, ĐX A, khu phố I, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và ông Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 2000; địa chỉ: Số I, lô C, đường F, phường H,

thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 24/11/2023, ông L và ông T có mặt).

2. Ông Liu Z, sinh năm 1991; Hộ chiếu số ED 5858261 do Cục Q Bộ C cấp ngày 16/7/2018; Địa chỉ: Thửa đất số 265, 270 tờ bản đồ số 4, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH N, địa chỉ: Thửa đất số 265, 270 tờ bản đồ số 4, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Phương Á (vắng mặt).

2. Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh B; Địa chỉ: Tầng D, T, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2023, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/12/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Liu Z, sinh năm 1991, hộ chiếu số ED 5858261 do Cục Q Bộ C cấp ngày 16/7/2018 sang Việt Nam để đầu tư kinh doanh. Ông Liu Z thành lập công ty tại Việt Nam là Công ty TNHH N (gọi tắt Công ty N); địa chỉ: Thửa đất số B, 270, tờ bản đồ số 4, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương và đang nhờ bà Võ Thị D đứng tên giữ chủ sở hữu. Tuy nhiên do phát sinh tranh chấp nên bà D không đứng tên giữ chủ sở hữu Công ty N.

Sau đó, ông Liu Z có nhờ bà Á đứng tên giữ trong khoảng thời gian 01 tháng để Công ty N không bị gián đoạn hoạt động kinh doanh và ông Liu Z hứa sẽ tìm người khác phù hợp để chuyển nhượng Công ty Bai Yuan cho cá nhân đó. Khoảng cuối tháng 02/2023, ông Liu Z có đưa cho bà Á ký một số giấy tờ. Vì quen biết và do chủ quan, thiếu hiểu biết nên khi ký, bà Á không đọc rõ nội dung các giấy tờ, văn bản nói trên mà chỉ nghĩ đứng tên giữ trong thời gian ngắn như ông Liu Z nói. Tuy nhiên, sau 01 tháng ông Liu Z không giải quyết các vấn đề đứng tên của bà Á tại Công ty N. Sau nhiều lần liên hệ không được, bà Á đã đến nơi ở của ông Liu Z để yêu cầu ông Liu Z giải quyết vấn đề đứng tên Công ty N nhưng bà Á không gặp được ông Liu Z.

Vì không liên lạc được ông Liu Z và bà Á cũng không quản lý, điều hành, không thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của Công ty N. Bà Á cũng không góp vốn, không nhận chuyển nhượng, không thanh toán tiền cho bất cứ ai tại Công ty N. Bà Á không phải chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật thực sự của Công ty N nên không giữ bất cứ tài liệu sổ sách, chứng từ thông tin nào của công ty. Theo thông tin được trích xuất từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký

doanh nghiệp thì ngày 20/02/2023, người đại diện theo pháp luật của Công ty N là bà Trần Thị Phương Á.

Theo Văn bản số 858/ĐKKD ngày 06/10/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B thì toàn bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất có bà Á ký tên gồm: Thông báo thay đổi chủ sở hữu Công ty TNHH Một thành viên S ngày 14/01/2023; Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 02-TB/2023 ngày 14/01/2023; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 04-TB/2023 ngày 14/01/2023; Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp số 03/TB-2023 ngày 14/01/2023; Điều lệ Công ty TNHH N ngày 14/01/2023; Quyết định số 01-QĐ-2023 ngày 14/01/2023; Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023 giữa bà Võ Thị D và bà Trần Thị Phương Á.

Bà Á xác định không ký tên vào các văn bản nêu trên.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023, bà D có chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty N cho bà Á với giá 08 tỷ đồng; nhưng thực tế bà Á không nhận chuyển nhượng, không thanh toán tiền, cũng không thực hiện bất kỳ giao dịch chuyển nhượng vốn nào với bà D như hồ sơ lưu tại hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Do đó, nguyên đơn bà Á khởi kiện bà D yêu cầu Tòa án:

1. Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng vốn góp giữa bà Trần Thị Phương Á và bà Võ Thị D tại Công ty N là vô hiệu.
2. Giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu, chấm dứt tư cách chủ sở hữu, đại diện theo pháp luật của bà Trần Thị Phương Á tại Công ty N.
3. Buộc ông Liu Z, bà Võ Thị D thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thông tin chủ sở hữu, thông tin người đại diện pháp luật) đối với Công ty N.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/12/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á chỉ khởi kiện cá nhân bà Võ Thị D, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng vốn góp giữa bà Á và bà D tại Công ty N là vô hiệu;
2. Giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu, chấm dứt tư cách chủ sở hữu, đại diện theo pháp luật của bà Trần Thị Phương Á tại Công ty N.
3. Buộc bà Võ Thị D thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thông tin chủ sở hữu, thông tin người đại diện pháp luật) đối với Công ty N.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 03/5/2024, bị đơn bà Võ Thị D, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 14/01/2023, đồng thời đã nhận 08 tỷ đồng từ bà Á. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng vốn cho bà Á, bà D đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, tài sản cho bà Á.

Hiện nay, bà D không còn giữ bất cứ hồ sơ tài liệu nào liên quan đến Công ty N nên không có chứng cứ để giao nộp theo yêu cầu của bà Á.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B trình bày tại Văn bản số 158/ĐKKD ngày 16/02/2024 như sau:

Công ty TNHH N, mã số doanh nghiệp: 3702970212, đăng ký lần đầu ngày 12/4/2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 08/02/2023; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 265, 270, tờ bản đồ số 4, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: bà Trần Thị Phương Á.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 2; Điều 4, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 65 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; khoản 20 Điều 4, điểm c khoản 1 điều 27 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì Công ty N tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ;

Tại lần đăng ký thay đổi thứ 01 ngày 08/02/2023, công ty đã đăng ký thay đổi các nội dung sau: thay đổi chủ sở hữu do chuyển nhượng phần vốn góp, thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty; thay đổi thông tin đăng ký thuế và thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, Công ty N có kê khai chữ ký mang tên bà Trần Thị Phương Á trên Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023 giữa bà Võ Thị D và bà Trần Thị Phương Á.

Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.

Theo quy định tại Điều 74 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:

“ 1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và có trách nhiệm cung cấp cho Phòng Đăng ký kinh doanh một trong các văn bản cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo bao gồm:

a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo.

b) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan Công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo”.

Đến thời điểm hiện tại, Phòng Đăng ký kinh doanh vẫn chưa nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 của Công ty TNHH N là giả mạo.

Từ các căn cứ nêu trên, việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 08/02/2023 cho Công ty N là đúng quy định pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 08/02/2023 cho Công ty N.

Hiện nay, Công ty N đã không còn hoạt động theo địa chỉ đã đăng ký (theo thông báo của cơ quan thuế tại hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia ngày 18/3/2024). Phòng Đăng ký kinh doanh chưa nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của công ty N.

Đối với các tài liệu là bản gốc: Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên S ngày 14/01/2023; Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 02-TB/2023 ngày 14/01/2023; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 04-TB/2023 ngày 14/01/2023; Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp số 03/TB-2023 ngày 14/01/2023; Điều lệ Công ty TNHH N ngày 14/01/2023; Quyết định số 01-QĐ-2023 ngày 14/01/2023; Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023 giữa bà Võ Thị D và bà Trần Phương Á, giấy ủy quyền ngày 14/01/2023 giữa bà Á và bên nhận ủy quyền ông Đỗ Đình P, Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông tin qua mạng điện tử và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử, không có bản gốc (bản giấy) lưu trữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh.

Phòng Đăng ký kinh doanh đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ việc.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 26-6-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Á đối với ông Liu Z.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Phương Á về việc tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023 giữa bà Trần Thị Phương Á và bà Võ Thị D vô hiệu;

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Phương Á về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 08/02/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp cho Công ty TNHH N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/7/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Lê Thị Mỹ Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á trình bày quan điểm tranh luận: Không kháng cáo phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Á đối với ông L1; giữ nguyên kháng cáo phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Phương Á về việc tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023 giữa bà Trần Thị Phương Á và bà Võ Thị D vô hiệu và không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Phương Á về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 08/02/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp cho Công ty TNHH N vì các căn cứ sau đây:

Theo hồ sơ do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh B cung cấp thì bà Á là chủ sở hữu công ty theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất, tuy nhiên bà Á không ký bất cứ hồ sơ gì liên quan đến việc chuyển nhượng vốn tại Công ty N;

Bà Á không ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023; do đó, căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự thì giao dịch chuyển nhượng vốn góp theo hợp đồng trên là trái quy định của pháp luật;

Bà Á không đăng ký bất cứ khoản tiền nào cho bà D; bà D không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc bà Á đã thanh toán đủ tiền vốn góp cho bà D.

Bà Á không nhận bàn giao bất kỳ tài liệu, văn bản hay tài sản nào từ bà D, cũng không tiếp quản Công ty N;

Bà D chưa thực hiện góp vốn nên không đủ điều kiện để chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật.

Bà D không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bà Á đã ký và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, bà D đã nhận tiền và bàn giao công ty cho bà Á;

Tòa án cấp sơ thẩm chưa cho đương sự hai bên đối chất là để làm rõ các vấn đề trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày quan điểm tranh luận: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì bà D đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và bàn giao toàn bộ giấy tờ công ty cho bà Á. Bà D không có nghĩa vụ phải chứng minh những vấn đề này mà nghĩa vụ chứng minh ngược lại thuộc về bà Á. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã được trình bày quan điểm, cung cấp chứng cứ công khai.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B có văn bản xin xét xử vắng mặt, đồng thời có văn bản thể hiện quan điểm như sau: Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08/2/2023 cho Công ty TNHH N là đúng quy định của pháp luật; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Á kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho việc kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần hai, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á, bị đơn bà Võ Thị D nhưng các đương sự này đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B có văn bản xin xét xử vắng mặt, đồng thời có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án. Xét, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của nguyên đơn. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.2]. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày không kháng cáo đối với phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: “1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Á đối với ông Liu Z”.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á:

[2.1]. Tại Văn bản số 158/ĐKKD ngày 16/02/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B có nội dung: “*Căn cứ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Công ty TNHH N, mã số doanh nghiệp: 3702970212, đăng ký lần đầu ngày 12/4/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/02/2023; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 265, 270, tờ bản đồ số 4, ấp S, xã D, huyện B, tỉnh Bình Dương; Người đại diện theo pháp luật: (Bà) Trần Thị Phương Á*”.

Công ty N đăng ký thay đổi lần thứ nhất, hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ nhất do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cung cấp gồm: Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023; Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty số 01-TB/2023 ngày 14/01/2023; Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 02-TB/2023 ngày 14/01/2023; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 04-TB/2023 ngày 14/01/2023; Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp số 03/TB-2023 ngày 14/01/2023; Điều lệ Công ty ngày 14/01/2023; Quyết định số 01-QĐ/2023 ngày 14/01/2023 giữa bà Võ Thị D và bà Trần Thị Phương Á.

Trên cơ sở hồ sơ doanh nghiệp kê khai đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 50, Điều 53, Điều 59, Điều 63 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ K và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, ngày 08/02/2023, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 01 của Công ty N, với chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị Phương Á.

Xét thấy, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 08/02/2023 cho Công ty TNHH N của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B, là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Bà Á kháng cáo cho rằng không tiến hành thỏa thuận hay ký kết bất cứ hợp đồng chuyển nhượng vốn nào với bà D và không biết bà D là ai, toàn bộ những văn bản trên đã giả mạo chữ ký của bà Á. Tuy nhiên, tại Văn bản số 355/ĐKKD ngày 20/03/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh B xác định: “... *Tại lần đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/02/2023, Công ty TNHH N thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử, không có bản gốc (bản giấy) lưu trữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh...*”. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành các Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ số 02/TB-TA ngày

15/3/2024, Thông báo số 04/TB-TA ngày 27/3/2024 và Thông báo số 06/TB-TA ngày 22/4/2024 nhưng nguyên đơn và bị đơn đều không có chứng cứ là bản gốc giấy tờ tài liệu để giao nộp cho Tòa án. Do không có bản gốc nên Tòa án không trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Á trong Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và văn bản yêu cầu thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty N. Mặt khác, tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bà Á trực tiếp trình bày bà Á đồng ý đứng tên công ty giùm cho ông Liu Z khoảng thời gian một tháng và có ký một văn bản, giấy tờ gì đó không rõ, không đọc, không biết nội dung văn bản giấy tờ. Đồng thời, tại văn bản ghi ý kiến ngày 09/8/2024 (sau khi có bản án sơ thẩm), người đại diện theo ủy quyền của bà Á là bà Lê Thị Mỹ Đ cũng trình bày ông Liu Z có nhờ bà Á đứng tên công ty giùm trong thời gian khoảng một tháng.

[2.3]. Tại đơn kháng cáo ngày 09/8/2024, bà Á trình bày không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho bà D, không nhận bàn giao bất kỳ tài liệu, văn bản hay tài sản nào từ bà D cũng không tiếp quản Công ty N. Tuy nhiên, tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 03/4/2024 và ngày 02/5/2024 (BL 97-98), đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày đã ký kết bàn giao toàn bộ hồ sơ cũng như tài sản cho bà Á, hiện nay bị đơn không còn giữ bất cứ hồ sơ tài liệu nào có liên quan đến Công ty N.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thực hiện góp vốn nên không đủ điều kiện để chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật, bị đơn không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh đã thực hiện góp vốn theo quy định pháp luật, nhưng nguyên đơn bà Á cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã hỗ trợ nguyên đơn trong việc yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cơ quan tổ chức có liên quan cung cấp chứng cứ nhưng vẫn không thu thập được các chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra, theo Văn bản số 355/ĐKKD ngày 20/3/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B (BL 134) xác định tình trạng pháp lý của Công ty N như sau: *“Tình trạng pháp lý: Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký (Theo thông báo của cơ quan thuế tại Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia ngày 18/03/2024...). Hiện tại, phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngưng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên”*. Do đó, bà Á kháng cáo yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ để xác nhận tình trạng pháp lý của công ty, là không cần thiết. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục đối chất để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, tuy nhiên, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 26/6/2024 (BL 198), các bên đã tham gia hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày không cung cấp được văn bản của cơ quan nhà nước xác định hay bị đơn thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng vốn góp là giả mạo và không cung cấp được văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á, là có căn cứ. Bà Á kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm căn cứ để sửa bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Á, giữ nguyên phần bản án sơ thẩm liên quan đến kháng cáo.

[3]. Ý kiến của bị đơn, là có căn cứ, được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Á phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; Điều 270; Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Á.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 26 - 6 - 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2.1. Căn cứ Điều 76, 77 của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Phương Á về việc tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN ngày 14/01/2023 giữa bà Trần Thị Phương Á và bà Võ Thị D vô hiệu;

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Phương Á về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 08/02/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp cho Công ty TNHH N.

3. Các quyết định khác của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Phương Á phải chịu án phí 2.000.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí bà Á đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000260 ngày 05/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (Bà Trần Thị Phương Á đã nộp đủ).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hòa